18:14 B8-R5-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 2026.8.24 | Board 1

WHITE Wang sheng lin | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK Yu xiaotong | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng3	Nf4	41	Re5	Qd8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Nf5	b6	42	Ne3	Qd7	62		
3	Bc4	Nf6	23	g3	Ne6	43	Nf1	Nf3	63		
4	d3	d5	24	b4	Rd1	44	Kg2	Ne1	64		
5	ed	Nd5	25	Rd1	Rd8	45	Kh1	Qh3	65		
6	0-0	Be5	26	Rd3	c5	46	Qe3	Nf3	66		
7	Re1	0-0	27	Ra3	Rd7	47	Kg8	Kg7	67		
8	Bb3	Be6	28	bc	Nc5	48	Nd1	Rd1	68		
9	Ng5	Be5	29	b4	Ne6	49	Rh8	Kh8	69		
10	Bd2	Be6	30	c4	Qd8	50	Qg8	Qg8	70		
11	Qf3	Nde7	31	c5	bc	51	Kg2	Ng5	71		
12	Ng3	h6	32	bc	Rc7	52	f4	Qe2	72		
13	Nge4	Nd4	33	Rd3	Qf8	53	Kg2	Nf3	73		
14	Qg3	Ng6	34	c6	Rc6	54	Kh1	Qh2	74		
15	Rad1	c6 Ne2	35	Qg7	Re7	55			75		
16	Nf3	g6	36	Qa8	Qb8	56			76		
17	Ne4	de	37	Rd1	Rg7	57			77		
18	Qh6	Be5	38	Qg3	Ng5	58			78		
19	Be3		39	Qc4	Qa8	59			79		
20	Qe3	Rd8	40	Rd5	Qb8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang sheng lin | SIGNATURE (BLACK) Yuxiaotong | SIGNATURE (ARBITER) yz

18:14 B8-R5-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 5 | Date 2026.8.24 | Board 1

WHITE wang shengjin | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK Yuxiao tong | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng3	Nf4	41	Re5	Qd8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Nf5	b6	42	Ne3	Qd7	62		
3	Bc4	Nf6	23	g3	Ne6	43	Nf1	Nf3	63		
4	d3	d5	24	b4	Rd1	44	Kg2	Ne1	64		
5	ed	Nd5	25	Rd1	Rd8	45	Kh1	Qh3	65		
6	0-0	Be5	26	Rd3	c5	46	Ne3	Nf3	66		
7	Re1	0-0	27	Rd3	Rd7	47	Qb8	Kh7	67		
8	Bb3	Be6	28	bc	Nc3	48	Nf1	Rd1	68		
9	Ng5	Be5	29	b4	Ne6	49	Qh8	Kh8	69		
10	Bd2	Bb6	30	c4	Qd8	50	Qf8	Qf8	70		
11	Qf3	Ne7	31	c5	bc	51	Kg2	Ng5	71		
12	Ng3	h6	32	bc	Rc7	52	f4	Qc2	72		
13	Nf4	Nd4	33	Rd3	Qf8	53	Kg1	Nf3	73		
14	Qg3	Ng6	34	c6	Rc6	54	Kh1	Qh2	74		
15	Rd1	c6	35	Qd7	Rc7	55			75		
16	Ne2	Ng3	36	Qa5	Qb8	56			76		
17	c6	Be4	37	Rd1	Ra7	57			77		
18	de	Rf6	38	Qc3	Ng5	58			78		
19	Be3	Be3	39	Qc4	Qa8	59			79		
20	Qe3	Rd8	40	Rd5	Qb8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang sheng lin | SIGNATURE (BLACK) Yuxiao tong | SIGNATURE (ARBITER) yz

17:16 B8-R5-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 5 | Date 8/27 | Board 2

WHITE Meng Xianggyi | FED HKG | RESULT (W) 1

BLACK Cho Jaeha | FED KOR | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nb7		41	c7	bxc7	61		
2	Nf3	Nc6	22			42			62		
3	Bc4	Bc5	23			43			63		
4	c3	Nc6	24			44			64		
5	d4	cxd4	25			45			65		
6	e5	d4	26			46			66		
7	Bb5	Ne4	27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

17:16 B8-R5-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B06 | Round 5 | Date 24/07/26 | Board 2

WHITE Meng, Xianggi | FED HKG | RESULT (W) 1

BLACK Cho, Jaeha | FED KOR | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nb7		41	Rxf7	Kc8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Nxd8	Rxd8	42	h4	c5	62		
3	Bc4	Bc5	23	Ra3	Qe4	43	bc	g4	63		
4	c3	Nf6	24	Rxa7	Rc8	44	Kxh4	Qc6	64		
5	d4	ed	25	b3	Qc3	45	Kxh5	Kd8	65		
6	e5	d5	26	Rxa2	Bg4	46	g4	Ke8	66		
7	Bb5	Ne4	27	f3	Be6	47	Kg6	Kd8	67		
8	cd	Bb4+	28	Ra8	Rf8	48	Kf6	Ke8	68		
9	Bd2	0-0	29	Qd2	Qxd2	49	g5	Kd8	69		
10	Bxc6	Bxd2+	30	Rxf8+	Kxf8	50	g6	Ke8	70		
11	Nbxd2	bc	31	Rxd2	Ke7	51	g7	Kd8	71		
12	Rc1	Bd7	32	Re2	Kd7	52	g8=Q#		72		
13	0-0	Qc7	33	Kf2	Bf5	53			73		
14	Re1	Nxd2	34	Re3	f6	54			74		
15	Nxd2	Rb8	35	Re3	L5	55			75		
16	N3	Qb4	36	b4	Be6	56			76		
17	Nc5	Rbd8	37	Kg3	g5	57			77		
18	Re2	Qb6	38	ef	Bg8	58			78		
19	Rc3	Qb5	39	Re7	Kd8	59			79		
20	Rb3	Qa5	40	f7	Bxf7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

18:19 B8 - R5 - 3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 5 | Date 2026-8-24 | Board 3

WHITE Vilstuvshin | FED MGL | RESULT (W) 1/2

BLACK Mohd Nur al Sufi Mahd | FED MAS | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qb5	b6	41	Kh1	Rc5	61		
2	Bf4	Nf6	22	Na6	Qb7	42	Kh3	Rh5+	62		
3	e3	e6	23	Nb3	Ne7	43	Kg4	Rc5	63		
4	Nd2	c5	24	Nbc5	Qc8	44	f4	Rd7	64		
5	Bd3	Nc6	25	Nd3	Nf5	45	Kf3	h5	65		
6	Ngf3	Nh5	26	Ndb5	d4	46	Red2	g5	66		
7	Bg3	cd	27	Nc6	Rd6	47	Nc2	g4	67		
8	cd	Ng3	28	Na7	Qd8	48	Kf2	Kg6	68		
9	hg	g6	29	Nc6	Qd7	49	Ke2	Re7+	69		
10	0-0	Bg7	30	Nd4	Nd4	50			70		
11	c3	0-0	31	Qd7	Rd7	51			71		
12	Re1	f6	32	cd	Red8	52			72		
13	Nb3	e5	33	Nb4	ed	53			73		
14	de	fe	34	Rd3	Rc7	54			74		
15	Bb5	Bg5	35	Re6	b5	55			75		
16	Be2	Qf6	36	Nc6	Rdc8	56			76		
17	Nfd2	Be2	37	Ne5	Rd8	57			77		
18	Qe2	Rad8	38	Nc6	Rdc8	58			78		
19	Rad1	Qc7	39	Nb4	Rd8	59			79		
20	Nc5	Rfe8	40	Re2	Kf7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Vilstuvshin MGL | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

18:19 B8 - R5 - 3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U08 | Round 5 | Date 2/4/26 | Board 3

WHITE Vilstuvshin. Batbold | FED MGL | RESULT (W) 1/2

BLACK Muhammad Ayub | FED Mas | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qb5	B6	41	Kh2	Rc5	61		
2	Bf4	Nf6	22	Na6	ab7	42	Kh3	Rh5+	62		
3	e3	e6	23	Nb3	Nb3	43	kg4	RC5	63		
4	Nbd2	c5	24	Nbc5	QC8	44	f4	Rd7	64		
5	Bd3	Nc6	25	Nd3	Nf5	45	kf3	h5	65		
6	Ngf3	Nh5	26	Nd4	d4	46	Red2	g5	66		
7	Bg3	cxd4	27	NC6	Rd6	47	Nc2	gf4+	67		
8	exd4	Nxg3	28	Nxa7	Qd8	48	kf2	kg6	68		
9	hxg3	g6	29	Nc6	Qd7	49	ke2	Re7+	69		
10	0-0	Bg7	30	Nxd4	Nxd4	50			70		
11	c3	0-0	31	axd7	Rxd7	51			71		
12	Re1	f6	32	cxd4	Red8	52			72		
13	Nb3	e5	33	Nb4	exd4	53			73		
14	dxe5	fxe5	34	Rd3	Rc7	54			74		
15	Bb5	Bg4	35	Re6	b5	55			75		
16	Be2	Qd6	36	NC6	RdC8	56			76		
17	Nd2	Bxe2	37	Ne5	Rd8	57			77		
18	Qxe2	Rad8	38	NC6	RdC8	58			78		
19	Rdd1	Qc7	39	Nb4	Rd8	59			79		
20	NC5	Rfe8	40	Re2	Kf7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Vilstuvshin | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

16:29 B8 - R5 - 4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round #5 | Date 8.24 | Board 4

WHITE Arshavin Keranyarin | FED THA | RESULT (W) 1
BLACK Lichong yun | FED chN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne5	Nxe5	41	Kxd6 Qd6		61		
2	c4	c6	22	Bxc6	f6	42			62		
3	Bf4	Nf6	23	Bg3	Qe7	43			63		
4	e3	Bf5	24	f3	e5	44			64		
5	Nc3	e6	25	Qa7	Qe6	45			65		
6	Nf3	Nd7	26	Kf2	Rd4	46			66		
7	c5	b6	27	ed	ed	47			67		
8	b4	Be7	28	Qd5	Rc5	48			68		
9	Ba6	bc	29	Bh4	R	49			69		
10	dc	Nc5	30	Rd1	d3	50			70		
11	bc	Qd6	31	c7	d2	51			71		
12	Bb7	Qe7	32	c8=Q	Bc8	52			72		
13	Kf1	Rd8	33	Rc7	Kh8	53			73		
14	Be7	Rd8	34	Bf4	Bf5	54			74		
15	Bc8	0-0	35	Be1	Rd8	55			75		
16	Bd7	Nd7	36	Qa4	Bxa6 Rd8	56			76		
17	Rc1	Qf6	37	a3	Bd6	57			77		
18	c6	Nc5	38	Rxc2	Qe6	58			78		
19	Nd2 Qxe6 Nd3		39	Rc6	Re8	59			79		
20	Nf3 Rc3 Qe6		40	Re2	Qxe5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Winter | SIGNATURE (BLACK) Li Chongyun | SIGNATURE (ARBITER) yz

B8 - R5 - 4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 5 | Date | Board 4

WHITE Arshavin Keranyarin | FED | RESULT (W) 1
BLACK Li Chongyun | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne5	Nxe5	41	Bxd6!	Qxd6	61		
2	c4	c6	22	Bxc6	f6	42	Qxe8+	Qf8	62		
3	Bf4	Nf6	23	Bg3	Qe7	43	Qxf8		63		
4	e3	Bf5	24	f3	e5	44			64		
5	Nc3	e6	25	Qxa7	Qe6	45			65		
6	Nf3	Nd7	26	Kf2	d4	46			66		
7	c5	b6	27	exd4	exd4	47			67		
8	b4	Be7	28	Re1	Qd5	48			68		
9	Ba6	bxc5	29	Rc1	b4	49			69		
10	d5	Nxc5	30	Re4	d3	50			70		
11	bxc6	Qa5	31	c7	d2	51			71		
12	bb7	Qxa3+	32	c8=Q	Bxc8	52			72		
13	Kf1	Rb8	33	Rc7	Kh8	53			73		
14	Bc7	Rd7	34	Bf4	Bf5	54			74		
15	Bxc6	0-0	35	Be3	Rd8	55			75		
16	Bxd7	Nxd7	36	Qa4	Rb8	56			76		
17	Rc1	Qf6	37	d3	Bd6	57			77		
18	c6	Nc5	38	Rxd2	Qe6	58			78		
19	Qd4	Nd3	39	Rc6	Qe8	59			79		
20	Rc3	Qg6	40	Re2	Qd5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Winter | SIGNATURE (BLACK) Lichong Yun | SIGNATURE (ARBITER) yz

17:52 - B8 - R5 - 5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 2026/8/24 | Board 5

WHITE Qin Ziming | FED | RESULT (W) 0

BLACK Liu Haoyang (GD) | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bh6	Qh6	41	Re2	Kd7	61		
2	c4	g6	22	Rad1	Bd7	42	b3	Qd5	62		
3	Nf3	Bg7	23	Rde1	Rd7	43	b4	Qd6	63		
4	g3	d6	24	R91	Rad8	44	f3	Qb4	64		
5	Bg2	0-0	25	Rb1	f4	45	a4	c5	65		
6	0-0	Nc6	26	g4	Ng4	46	a5	c4	66		
7	Nc3	e5	27	Bg4	Rg4	47	Kg2	c3	67		
8	d5	Ne7	28	Rg4	Bg4	48	Rc2	Qb3	68		
9	e4	Nh5	29	Qf1	Bf3	49	Rf2	c2	69		
10	Nh4	Qe8	30	Re1	Rg2	50	Rc2	Qc2	70		
11	Be3	f6	31	Qg2	Bg2	51	Qh1	Kd6	71		
12	Qe2	f5	32	Kg2	Qg6	52	h4	Kd5	72		
13	ef	Nf5	33	Kh2	Qd3	53	Kg1	Kd4	73		
14	Nf5	gf	34	Ne4	Qc4	54	Kh1	Ke3	74		
15	Bd2	Qg6	35	Nf6	Kg7	55	Kg1	Kf3	75		
16	Kh1	Nf6	36	Ng4	h5	56	Kh1		76		
17	h3	Kh8	37	Ne5	de	57			77		
18	Kh2	Kg8	38	Re5	Qd4	58			78		
19	Rg1	Bf8	39	Re2	Kf7	59			79		
20	Bf3	Bh6	40	Rc2	Ke8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Qin Ziming | SIGNATURE (BLACK) Liu Haoyang | SIGNATURE (ARBITER) 1/2

B8 - R5 - 5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 2026.8.24 | Board 5

WHITE Qin, Ziming | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Liu Haoyang (GD) | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bh6	Qh6	41	Re2	Kd7	61		
2	c4	g6	22	Rad1	Bd7	42	b3	Qd5	62		
3	Nf3	Bg7	23	Rde1	Rd7	43	b4	Qd6	63		
4	g3	d6	24	R91	Ra8	44	f3	Qb4	64		
5	Bg2	0-0	25	Rb1	f4	45	a4	c5	65		
6	0-0	Nc6	26	g4	Ng4	46	a5	~~f4~~c4	66		
7	Nc3	e5	27	Bg4	Rg4	47	Kg2	c3	67		
8	d5	Ne7	28	Rg4	Bg4	48	Rc2	Qb3	68		
9	e4	Nh5	29	Qf1	Bf3	49	Rf2	c2	69		
10	Nh4	Qe8	30	Re1	Rg2	50	Rc2	Qc2	70		
11	Be3	d6	31	Qg2	Bg2	51	Kh1	Kd6	71		
12	Qe2	f5	32	Kg2	Qg6	52	h4	Kd5	72		
13	ef	Nf5	33	Kh2	Qd3	53	Kg1	Kd4	73		
14	Nf5	gf	34	~~Qc4~~ Ne4	~~Nf6~~ Qc4	54	Kh1	Ke3	74		
15	Bd2	Qg6	35	~~Kg7~~ Nf6	~~Ng4~~ Kg7	55	Kg1	Kf3	75		
16	Kh1	Nf6	36	~~h5~~ Ng4	~~Nh5~~	56	Kh1	Qg1#	76		
17	h3	Kh8	37	Ne5	de	57			77		
18	Kh2	Rg8	38	~~Re5~~ es	Qd4	58			78		
19	Rg1	Bf8	39	Re2	Kf7	59			79		
20	Bf3	Bh6	40	Rc2	Ke8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Qin Ziming | SIGNATURE (BLACK) Liu Haoyang | SIGNATURE (ARBITER) 1/2

16:48 B8-R5-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 8/24 | Board 6

WHITE zhongjunrui | FED CHN | RESULT(W) 1
BLACK Jayden | FED SGP | RESULT(B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rc3	R~~g~~g7	41	Qh4	Qa3+	61	Ka5	Qa2+
2	Nf3	Nc6	22	Rb3	Rg6	42	Kc6	Qc3+	62	Kb6	Qb3
3	Nc3	Nf6	23	Re3	Kd7	43	Qc5	Qf3+	63	Kc7	Kc6
4	a3	d5	24	f4	Rg2	44	Kb6	Qb3+	64	Qc6	Qe4+
5	Bb5	Ne4	25	Re2	Re2+	45	Ka6	Qd3	65	~~K~~Kb6	Qb8+
6	Qe2	Qd6	26	Ke2	Ke6	46	Kb7	Qd7+	66	ab=Qk94	
7	Ne4	de	27	Ke3	f6	47	Qc7	Qd1	67	Qg6+	Kf3
8	Qe4	Bd7	28	Kd4	fe+	48	ab	Kf5	68	Qb93+	Ke2
9	Bc6	Qc6	29	fe	b6	49	a7	Qb3+	69	Qd~~b~~b3+	
10	Qc6	Bc6	30	b4	cb	50	Ka6	Qd3+	70		
11	Ne5	Bg2	31	a4	ab	51	K~~b~~b6	Qb3+	71		
12	Rg1	Bd5	32	a5	ba	52	Kc6	Qc4+	72		
13	c4	Bd6	33	ba	h5	53	Kb7	Qb4+	73		
14	d4	Be5	34	h4	c5+	54	Kc1	Qf8+	74		
15	de	Bc4	35	Kc4	K~~e~~e5	55	Kd7	Qf7+	75		
16	Rg7	0-0-0	36	~~Kd4~~ Kd5	~~e6~~c4	56	Kc8	Qd8+	76		
17	Bg5	Rdg8	37	~~Kf6~~ b6	~~Kd4~~ K~~e~~e5	57	Kb7	Qb5+	77		
18	Bf6	Rg7	38	Kd6	c3	58	Qb6	Qd7	78		
19	Bg7	Rg8	39	e7	c2	59	Ka6	Qc8+	79		
20	Rc1	Bb3	40	e8=Q	Rc1=Q	60	Qb7	Qe6+	80		

SIGNATURE (WHITE) zhongjunrui | SIGNATURE (BLACK) Jayden | SIGNATURE (ARBITER) YV

16:48 B8-R5-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 8/24/26 | Board 6

WHITE Zhong, Junrui | FED CHN | RESULT(W) 1
BLACK Jayden Lee Jiale | FED SGP | RESULT(B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rc3	Rxg7	41	Qxh5	Qa3+	61	Ka5	Qa2+
2	Nf3	Nc6	22	Rxb3 R~~xg~~g3	Rg6	42	Kc6	Qc3+	62	Kb6	Qb3+
3	Nc3	Nf6	23	Re3	Rg2+ Kd7	43	Qc5	Qf3+	63	Kc7	Qc4+
4	a3	d5	24	f4	Re2	44	Kb6	Qb3+	64	Qc6	Qe4+
5	Bb5	Nxe4	25	Rxe2	Rxe2+	45	Ka6	Rg2+ Kxa6	65	Kb6	Qb8+
6	Qe2	Qd6	26	Kd2	Ke6	46	Kb7	Qd7+	66	d7xQ=Qkg4	
7	Nxe4	dxe4	27	Ke3	f6	47	Qc7	Qd1	67	Qg6+	Kf5
8	Qxe4	Bd7	28	Kd4	fe+	48	Ka6	Qd3+	68	Qg6+	Ke3
9	Bxc6	Qxc6	29	fe	b4	49	a7	Qb3+	69	Qbg3+	Ke2
10	Qxc1	Bxc6	30	b4	c6	50	Ka6	Qd3+	70	Qd3#	
11	Nxe5	Bxg2	31	a4	a6	51	Kb6	Qb3+	71		
12	Kg1	Bd5	32	a5	bxa5	52	Kc6	Qc4+	72		
13	c4	Bd6	33	bxa5	h5	53	Kb7	Qb4+	73		
14	d4	Bxe5	34	h4	c5+	54	Kc8	Qe8+	74		
15	dxe5	Bxc4	35	Kc4	Ke5	55	Kd7	Qf7+	75		
16	Rxg7	0-0-0	36	Kd5	c4	56	~~Kc8~~	Qe8+	76		
17	Bg5	Rdg8	37	c6	Ke6	57	Kb7	Qb5+	77		
18	Bf6	Rxg7	38	Kc6	c3	58	Qb6	Qd7+	78		
19	Bxg7	Rg8	39	e7	c2	59	Ka6	Qc8+	79		
Rc20	~~Bf6~~	~~Rxg7~~ Bb3		e8=Q	c1=Q	60	Qb7	Qe6+	80		

SIGNATURE (WHITE) zhongjunrui | SIGNATURE (BLACK) Jayden | SIGNATURE (ARBITER) YV

15:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date | Board 7

WHITE Brandon | FED Sgp | RESULT (W) 1/2

BLACK Liu Yizhi | FED Chn | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	0-0	h6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Kh1	Bf6	42			62		
3	d4	cd	23	Rd	Qc5	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Rd3	Qd5	44			64		
5	Nc3	e5	25	Rd5	Be7	45			65		
6	Nbd5	d6	26	f4	f6	46			66		
7	Bg5	a6	27	f5	Kg8	47			67		
8	Na3	b5	28	Bf3	Rc8	48			68		
9	Nd5	Be7	29	Rhd1	Rfd8	49			69		
10	Bf6	Bf6	30	Rd3	Rc6	50			70		
11	c3	Be6	31	Bd1	Kf8	51			71		
12	Nc2	Rd8	32	g4	Ke8	52			72		
13	Qd5	Ne7	33	a4	Rc5	53			73		
14	Rd2	0-0	34	Bb3	Rdc8	54			74		
15	g3	Qb6	35	ab		55			75		
16	Ne3	Bg4	36			56			76		
17	Nd5	Nd5	37			57			77		
18	Qd5	Ra8	38			58			78		
19	Bg2	Kh8	39			59			79		
20	h4	Be7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Brandon | SIGNATURE (BLACK) Liu Yizhi | SIGNATURE (ARBITER)

15:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 24/8/26 | Board 7

WHITE Brandon | FED Sgp | RESULT (W) 1/2

BLACK Liu, Yizhi | FED Chn | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	0-0	h6	41	1		61		
2	Nf3	Nc6	22	Kh1	Bf6	42			62	1	
3	d4	cxd4	23	Rad1	Qc5	43			63		
4	~~Nxd4~~ Nxd4	~~Nxd4 Nf6~~	24	Rd3	~~Rxd5~~ Qxd5	44			64		
5	Nc3	e5	25	Rxd5	Be7	45			65		
6	Ndb5	d6	26	f4	f6	46			66	1/2	
7	Bg5	a6	27	f5	Kg8	47			67		
8	Na3	b5	28	Bf3	Rc8	48	1/2		68		
9	Nd5	Be7	29	Qfd1	Rfd8	49			69		
10	Bxf6	Bxf6	30	Rd3	Rc6	50			70		
11	c3	Be6	31	Bd1	Kf8	51			71		
12	Nc2	Bxd5	32	g4	Ke8	52			72		
13	Qxd5	Ne7	33	a4	Rc5	53			73		
14	Qd3	0-0	34	Bb3	Rdc8	54			74		
15	g3	Qb6	35	axb5		55			75		
16	Ne3	Bg5	36			56			76		
17	Nd5	Nxd5	37			57			77		
18	Qxd5	Ra8	38			58			78		
19	Bg2	Kh8	39			59			79		
20	h4	Be7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Brandon | SIGNATURE (BLACK) Liu Yizhi | SIGNATURE (ARBITER)

B8 - R5 - 8

15:35

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 5 | Date | Board 8

WHITE Anderson Fok — FED HKG — RESULT (W) 1
BLACK sushixin — FED CHN — RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qh8+	Ke7	41			61		
2	d4	d5	22	Qg7		42			62		
3	e5	c5	23			43			63		
4	c3	Nc6	24			44			64		
5	Nf3	Qb6	25			45			65		
6	Bd3	Bd7	26			46			66		
7	dc	Bc5	27			47			67		
8	0-0	Ne7	28			48			68		
9	b4	Bb4	29			49			69		
10	c1	Qb4	30			50			70		
11	Na3	Qc5	31			51			71		
12	Nb5	0-0	32			52			72		
13	Bd2	Qd5	33			53			73		
14	Bxh7	Kh8	34			54			74		
15	Ng5	Ng8	35			55			75		
16	BxN	Kxg8	36			56			76		
17	Qh5	Re8	37			57			77		
18	Qf7	Kh8	38			58			78		
19	Qh5	Kg8	39			59			79		
20	Qh7	Kf8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Anderson | SIGNATURE (BLACK) sushixin | SIGNATURE (ARBITER) yz

B8 - R5 - 8

15:35

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 8月2[illegible]日 | Board 8

WHITE Anderson Fok — FED — RESULT (W) 1
BLACK sushixin — FED — RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qh8+	Ke7	41			61		
2	d4	d5	22	Qxg7#		42			62		
3	e5	c5	23			43			63		
4	c3	Nc6	24			44			64		
5	Nf3	Qb6	25			45			65		
6	Bd3	Bd7	26			46			66		
7	dc	Bxc5	27			47			67		
8	0-0	Ne7	28			48			68		
9	b4	Bxb4	29			49			69		
10	c1	Bxb4	30			50			70		
11	Na3	Qa5	31			51			71		
12	Nb5	0-0	32			52			72		
13	Bd2	Qd8	33			53			73		
14	Bxh7+	Kh8	34			54			74		
15	Ng5	Ng8	35			55			75		
16	Bxg8	Kxg8	36			56			76		
17	Qh5	Re8	37			57			77		
18	Qxf7+	Kh8	38			58			78		
19	Qh7+	Kg8	39			59			79		
20	Qh7#	Kf8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Anderson | SIGNATURE (BLACK) sushixin | SIGNATURE (ARBITER) yz

16:48 B8 - R5 - 9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date | Board 9

WHITE Ruengjirachuporn, Nantat | FED | RESULT (W) 1

BLACK [illegible] | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	c5	Qe7	41			61		
2	d4	d5	22	b6	Re8	42			62		
3	exd5	cxd5	23	bxa7	Ng4	43			63		
4	[illegible]	Nf6	24	g3	Qf6	44			64		
5	[illegible]	[illegible]	25	Kg2	Rg8	45			65		
6	[illegible]	Qb6	26	Be3	Bxc3	46			66		
7	Qc2	e6	27	fxg3	Nxe3+	47			67		
8	Nf3	Be7	28	Rxe3	g5	48			68		
9	Nbd7	0-0	29	Rf1	g4	49			69		
10	0-0	Bd7	30	Ne5	Qg5	50			70		
11	Rfe1	Rac8	31	Qf2		51			71		
12	a3	Rfe8	32			52			72		
13	b4	h6	33			53			73		
14	Nb3	a5	34			54			74		
15	b5	Na7	35			55			75		
16	a4	Bb4	36			56			76		
17	Bd2	Rc7	37			57			77		
18	Qb2	Bd6	38			58			78		
19	c4	Bxh2+	39			59			79		
20	Kh1	Qd6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) [signature] | SIGNATURE (BLACK) [signature] | SIGNATURE (ARBITER) [signature]

16:48 B8 - R5 - 9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date | Board 9

WHITE Nantat Ruengjirachuporn | FED IBIS | RESULT (W) 1

BLACK Tse. hin yi | FED 0 | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	c5	Qe7	41			61		
2	d4	d5	22	b6	Rc8	42			62		
3	exd5	cxd5	23	bxa7	Ng4	43			63		
4	Bd3	Nf6	24	g3	Qe6	44			64		
5	c3	Nc6	25	Kg2	Rc8	45			65		
6	Bf4	Qb6	26	Be3	Bxg3	46			66		
7	Qc2	e6	27	fxg3	Nxe3	47			67		
8	Nf3	Be7	28	Nxe3	g5	48			68		
9	Nbd2	0-0	29	Rf1	g4	49			69		
10	0-0	Bd7	30	Ne5	Qg5	50			70		
11	Rfe1	Rac8	31	Qf2		51			71		
12	a3	Rfe8	32			52			72		
13	b4	h6	33			53			73		
14	Nb3	a5	34			54			74		
15	b5	Na7	35			55			75		
16	a4	Bb4	36			56			76		
17	Bd2	Rc7	37			57			77		
18	Qb2	Bd6	38			58			78		
19	c4	[illegible]xh2+	39			59			79		
20	Kh1	Qd6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) [signature] | SIGNATURE (BLACK) [signature] | SIGNATURE (ARBITER) [signature]

16:46 B8 - R5 - 10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 5 | Date 9/29 | Board 10

WHITE Xu Yuhao TU Shi g | FED CHN | RESULT (W) 1/2
BLACK TU Shi g Xu Yuhao | FED MGL | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	cxd4	Bxc5	41	Kf4	Ke6	61		
2	c4	e6	22	exd5	Nxc5	42	Kd4	Kf7	62		
3	Nc3	Be7	23	Bxc5	dxc4	43	Ke4	Ke6	63		
4	cxd5	exd5	24	Nf4	b6	44	Kd4	Kf7	64		
5	Nf3	Nf6	25	Nd6	Re8	45	Kc3	Ke6	65		
6	Bg5	0-0	26	Qf2	Re6	46	Kd4	Kf7	66		
7	e3	c6	27	Rac1	Rxd4	47	Kc3	Ke6	67		
8	Bd3	h6	28	f6	gxf6	48	Kd4	Kd7	68		
9	Bh4	Nd7	29	Rf1	Qh4	49	Kc3	Ke6	69		
10	Qe2	Re8	30	Nf4	Rxe5	50	Kd4	Kd7	70		
11	Qc2	Nf8	31	Rxe8	Rxe8	51	Kc3	Ke6	71		
12	Bxf4	Bxh4	32	dxe5	Rxf8	52	Kd4	Kd7	72		
13	Bh4	Kh8	33	Kxf8	Kf6	53	Kc3	Ke6	73		
14	Bd3	Bg5	34	Kf7	Kf7	54	Kd4	Kd7	74		
15	g3	Nb6	35	Kf3	Kf6	55	Kc3	Ke6	75		
16	Nf4	Qxd4	36	Bxd3	Kxf5	56			76		
17	Qxd4	Bf6	37	Ke3	Kg4	57			77		
18	f4	Bd7	38	g5	g3	58			78		
19	Rg1	Re5	39	h5	g4	59			79		
20	Bxd6	cxd6	40	Kf4	Kf7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) TU Shi g | SIGNATURE (BLACK) Xu Yuhao | SIGNATURE (ARBITER) yz

16:46 B8 - R5 - 10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group 68 | Round 5 | Date | Board 10

WHITE TU Shi g | FED | RESULT (W) 0.5
BLACK Xu Yuhao | FED | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	gxf4	Bxe5	41	Kc4	Ke6	61		
2	c4	e6	22	fxe5	Nc4	42	Kd4	Kf7	62		
3	Nc3	Be7	23	Bxc4	dxc4	43	Ke4	Ke6	63		
4	cxd5	exd5	24	Nc4	b5	44	Kd4	Kf7	64		
5	Nf3	Nf6	25	Ne6	Rf8	45	Kc3	Ke6	65		
6	Bg5	0-0	26	Qf2	Be6	46	Kd4	Kf7	66		
7	e3	c6	27	Ra1	Rxa1	47	Kc3	Ke6	67		
8	Bd3	h6	28	f6	Rf1	48	Kd4	Kd7	68		
9	Bh4	Nbd7	29	Kg8	Qd8	49	Kc3	Ke6	69		
10	0-0	Re8	30	Ne4	fxe5	50	Kd4	Kd7	70		
11	Qc2	Ne4	31	Qxd8	Rxd8	51	Kc3	Ke6	71		
12	Bxe4	Bxh4	32	dxe5	Rf8	52	Kd4	Kd7	72		
13	Nh4	Kh8	33	Rf8	Kxf8	53	Kc3	Ke6	73		
14	Bd3	Bg5	34	Kf2	Kf7	54	Kd4	Kd7	74		
15	g3	Nb6	35	Kf3	Bd5	55	Kc3	Ke6	75		
16	Ne5	Qe7	36	Kf4	Bxe4	56			76		
17	b4	Bf6	37	Kxe4	Ke6	57			77		
18	f4	Bd7	38	Kd4	g6	58			78		
19	Rae1	g5	39	g3	g5	59			79		
20	Rb1	gxf4	40	g4	Kd7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) TU Shi g | SIGNATURE (BLACK) Xu Yuhao | SIGNATURE (ARBITER) yz

17:47 B8-R5-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 2026.8.24 | Board 11

WHITE Bilgunbayar, Nyamsuren | FED MGL | RESULT (W) 1
BLACK Xie Jinyan | FED CHN | RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:30	d5 1:30	21	Ra3 59	Qc7 54	41	Qe7 3 1:09 822		61		
2	c4 1:31	e6 1:30	22	a5 56	Nd7 48	42	Qg7 34		62		
3	Nc3 1:31	Nf6 1:30	23	Nd7 55	Bd7 48	43			63		
4	cd 1:31	Qd 1:29	24	R b3 50	Kb8 48	44			64		
5	Bg5 1:32	Be6 1:29	25	R a1 48	b6 47	45			65		
6	e3 1:32	e6 1:29	26	Na6 49	Qd8 45	46			66		
7	Bd3 1:31	00 1:29	27	N b8 49	Qb8 45	47			67		
8	Nf3 1:30	Nc6 1:28	28	ab 48	ab 46	48			68		
9	00 1:29	h6 1:29	29	Ra6 47	b5 45	49			69		
10	Bh4 1:27	Nb4 1:27	30	Ra3 45	Bc8 42	50			70		
11	Be2 1:26	Ng4 1:31	31	Ra8 45	Qd6 40	51			71		
12	Be7 1:26	Qe7	32	Qc5 43	Qe6 37	52			72		
13	a3 1:26	Nc6 1:32	33	R1a7 41	Bd7 32	53			73		
14	h3 1:25	Nf6 1:32	34	R2f8 41	Kf8 32	54			74		
15	Bd3 1:28 19	ad7 1:10	35	Ra8 40 8	Be8 31	55			75		
16	Qc2 1:14	Ne7 1:33	36	Be2 38	Qd7 28	56			76		
17	Na4 1:31	Ra8 1:11	37	B04 35	Rc7 26	57			77		
18	N c5 1:19	Qc6 1:54	38	Rc8 33	g6 26	58			78		
19	Ne5 1:31	Qb6 54	39	Q d6 33	f5 23	59			79		
20	a4 1:34	c6 54	40	Rc7 33	Qa8 02 21	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Bilgunbayar | SIGNATURE (BLACK) Xie Jinyan | SIGNATURE (ARBITER) 1/2

17:47 B8-R5-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 6 | Date 2026.8.24 | Board 11

WHITE Bilgunbayar, Nyamsuren | FED MGL | RESULT (W) 1
BLACK Xie Jinyan | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ra3	Qc7	41	Qc7	Kg8	61		
2	c4	e6	22	a5	Nd7	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Ne4	Bd6	43			63		
4	cd	ed	24	Rb3	Rb8	44			64		
5	Bg5	Be6	25	Ra1	b6	45			65		
6	e3	Be7	26	Na6	Qa5	46			66		
7	Bd3	0-0	27	N b8	Qb8	47			67		
8	Nf3	Nc6	28	a6	a6	48			68		
9	00	h6	29	Ra6	b5	49			69		
10	Bh4	Nb6	30	Ra3	Be8	50			70		
11	Be2	Ng4	31	Ra7	Qe8 Qb6	51			71		
12	Be7	Qe7	32	Qe5	R3a7 Qe6	52			72		
13	a3 Qa3	Nc6	33	R3a7	Bd7	53			73		
14	h3	Nf6	34	Ra8	Ke7	54			74		
15	Bd3	Qd7	35	Ra8	Be8	55			75		
16	Qc2	Ne7	36	Be2	Qd4	56			76		
17	Na4	Rc8	37	Bg4	Qc7	57			77		
18	Nc5	Qc6	38	Re2	Qb4	58			78		
19	Ne5	Qb6	39	Qd6	f5	59			79		
20	a4	c6	40	Rc7	Qa8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Bilgunbayar | SIGNATURE (BLACK) Xie Jinyan | SIGNATURE (ARBITER)

16:09 B8-R5-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 5 | Date 24th August | Board 12

WHITE Chen, Xuechang | FED CHN | RESULT (W) 1

BLACK Hori, Ichito | FED JPN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Nxd5	Rxd5	41	d5	Ra5	61		
2	Nc3	Nc6	22	Re1	ah5	42	Rd1	Kf8	62		
3	d3	Bc5	23	Qc4	R5d8	43	d6	Ke8	63		
4	Nf3	d6	24	Bxa8	Rxa8	44	d7+	Kd8	64		
5	g3	Nf6	25	Qb5	h6	45	Bc7+	Kxc7	65		
6	Bg2	0-0	26	Qc6	Rf8	46	d8=Q+	Kc5	66		
7	0-0	~~Bg~~Be6	27	♯·Bf4	Rd8	47	Qd6+	Kb5	67		
8	e3 ~~e5~~	Qd7	28	Qc7	Ra8	48	Rb1+	Ka6	68		
9	d4	Bxc4	29	Qb7	Rf8	49	Qd4+	Kb7	69		
10	dxc5	Bxf1	30	h4	c4	50	Qd7+	Ka6+	70		
11	Qxf1	dxc5	31	Ba6	Rd8	51	Qc8#		71		
12	e4	Qe7	32	Rf1	c3	52			72		
13	Be3	Nd4	33	Qc7	Re8	53			73		
14	Rc1	b6	34	bxc3	d3	54			74		
15	Nd2	Rfd8	35	Bf4	Re2	55			75		
16	Nxd4	cxd4	36	Qd6+	Kh7	56			76		
17	Bd2	c5	37	Qxd3+	Kg8	57			77		
18	f4	exf4	38	♯ Qd1	Qc5	58			78		
19	~~e5~~	Nd5	39	Qd4	Qxd4	59			79		
20	~~Nxf4~~	Qxe5	40	~~Qxd4~~	Rfa2	60			80		

SIGNATURE (WHITE) chen xue cheng | SIGNATURE (BLACK) Hori, Ichito | SIGNATURE (ARBITER)

16:09 B8-R5-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date 2026年8月24日 | Board 12

WHITE chenxuecheng | FED | RESULT (W) 1

BLACK Horisi. ichito | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	~~Ge5~~	~~Nd5~~	41	~~Qd5~~	~~Ra5~~	61		
2	Nc3	Nc6	22	Rd5	Re1	42	~~Qd~~Rd1	~~Kf8~~	62		
3	d3	Bc5	23	Qc4	Rd8	43	d6	~~K~~	63		
4	Nf3	d6	24	~~Bd~~	Ra8	44	b7	Kd8	64		
5	g3	Nf6	25	~~Q~~ b5	~~Ke8~~	45	Bc7	Kc7	65		
6	Bg2	0-0	26	Qc6	~~Re8~~ Rf8	46	d8=Q	Kc6	66		
7	0-0	Be6	27	Bf4	Kd5	47	Qd7	Ke5	67		
8	e3	Qd7	28	~~Q~~ Qd8	~~Ke7~~ Re8	48	Kb5	Ka6	68		
9	d4	Bc4	29	~~Bd~~ h4	~~Kf8~~	49	~~Qd~~ Qd3	Ke7	69		
10	~~d~~c	Bf1	30	c4	Rd6	50	~~Q~~ Qd7	Ka6	70		
11	Qf1	dc	31	~~Bf6~~ Bf6	~~Rd8~~ Rd8	51	Qc8#		71		
12	e4	Qe7	32	~~Q~~ ~~Rf1~~	~~c3~~ .	52			72		
13	Be3	~~Nd4~~ Nd4	33	Qc7	~~Re8~~	53			73		
14	~~R~~ Rc1	b6	34	bc	d3	54			74		
15	Ne2	Rd8	35	Bf4	Re2	55			75		
16	Nd4	cd	36	Qd8	Kh7	56			76		
17	Bd2	c5	37	Qd3	~~Kg8~~	57			77		
18	f4	f4	38	~~Qd~~ Qc5		58			78		
19	e5	Nd5	39	~~Qd~~ Qd4	~~Qd~~ Qd4	59			79		
20	N4		40	cd	~~Bg2~~	60			80		

SIGNATURE (WHITE) chenxuecheng | SIGNATURE (BLACK) Hori Ichito | SIGNATURE (ARBITER)

24 17:08 B8 - R5 - 13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date | Board 13

WHITE Aldarjav Khlan, Damdinsuren | FED MGL | RESULT (W) 1
BLACK Paredes, Orion Kit | FED PHI | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Be2	Bg4	41	Kxf7	Kxh2	61	B2	Qa3
2	Nf3	Nc6	22	Re3	Be2	42	Kg6	c5	62	Kb5	Qb2
3	d4	exd4	23	Rxe2	Kf8	43	f4	c4	63	Kc4	Qd2
4	[illegible]	Nf6	[illegible]	[illegible]	Rxh4	Rh4	f5	c3	64	Kb3	Qc1
5	Nxc6	bxc6	[illegible]	[illegible]	Rh5	f6	c2	65	Kb4	Kg4
6	Nc3	Bc5	[illegible]	[illegible]	[illegible]	f7	c1=Q	66	Kb5	Kf5
7	Bd3	d6	[illegible]	[illegible]	[illegible]	Ke7	f8=Q	Qc6+	67	Kb6	Ke6
8	Na4	Bb6	Kg2	Ke6	[illegible]	Ke6	Kxb5	Qh1+	68	Kb7	Kd7
9	Nxb6	axb6	29	Rd2	Rg5	49	Kg4	Qe4+	69	Ka6	Kc6
10	Bg5	0-0	30	Rd1	Re5	50	Qf4	Qe6+	70	Ka5	Qa3##
11	Qf3	Be6	31	Kf3	Rc5	51	Kh4	Qe7+	71		
12	a3	Qe7	32	c3	Rc4	52	Kh3	Qh7+	72		
13	Bxf6	Qxf6	33	Rd4	Rxd4	53	Qb4	Qd7+	73		
14	Qxf6	gxf6	34	cxd4	h5	54	g4	Kxg3	74		
15	0-0	Kh8	35	[illegible]	a5	55	Qf3	Kg4	75		
16	Rfe1	[illegible]	36	f3	c5	56	Qf4	Kg5	76		
17	Re7	[illegible]	37	exb5	[illegible]	57	Qf5	Qxf5	77		
18	Rf3	[illegible]	38	dxc6	Kxc6	58	b5	f6	78		
19	g3	Kg7	39	Kf5	Kc4	59	b4	f7	79		
20	h4	Rh5	40	Kxf6	Kb3	60	b3	Qf8	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

9

17:08 B8 - R5 - 13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 5 | Date 2026:8:24 | Board 13

WHITE Aldarjavkhlan | FED PHI | RESULT (W) 1
BLACK Paredes | FED MGL | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	[illegible] Be2	Be4	41	Kf7	Kb2 [illegible]	61	Qa3	Kb5
2	Nf3	Nc6	22	Re3	Be2	42	e4 Kg6	c5	62	Qb2	Kc4
3	d4	ed4	23	Re2	Kf8	43	f4	c4	63	Qd2	Kb3
4	Nd4	Nf6	24	Rd1	[illegible] Rh4	44	f5	c3	64	Qc1	Kg4
5	Nc6	bc6	25	Kg2	Rh5	45	f6	c2	65	Kb5	Kf5
6	Nc3	Bc5	26	Rh1	Rh1	46	f7	c1Q	66	Kb6	Kb7
7	Bd3	d6	27	Kh1	Ke7	47	f8Q	Qc6	67	Kd7	Ka6
8	Na4	Bb6	28	Kg2	Ke6	48	Kh5	Qh1	68	Kc6	Ka5
9	Nb6	ab6	29	Rd2	Rg5	49	Kg4	Qe4	69	Qa3	
10	Bg5	0-0	30	Rd1	Re5	50	Qf4	Qe6	70		
11	Qf3	Be6	31	Kf3	Rc5	51	Kh4	Qe7	71		
12	a3	Qe7	32	c3	Rc4	52	Kh3	Qh7	72		
13	Bf6	Qf6	33	Rd4	Rd4	53	Qb4	Qd7	73		
14	Qf6	gf6	34	cd4	[illegible] h5	54	[illegible] g4	Ka7	74		
15	0-0	Kh8	35	[illegible] Kf4	a5	55	Ka4	Qf4	75		
16	Rfe1	Rg8	36	f3	c5	56	Ka5	Kf5	76		
17	Re3	Ra5	37	[illegible] ed5	Kd5	57	Qf5	Bf5	77		
18	Rf3	Rg5	38	dc5	Kc5	58	b5	f6	78		
19	g3	Kg7	39	Kf5	Kc4	59	b4	e7	79		
20	h4	Rh5 [illegible]	40	Kf6	Kb3	60	f8Q	b2	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

16:00 B8-5-14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date | Board 14

WHITE Jiang Yanwen | FED | RESULT (W) 1

BLACK Tsin Pui Sing Jonathan | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qd3	Rf8	41			61		
2	d4	d5	22	Qh7+	Kf7	42			62		
3	e5	Nd7	23	Re3	Qg5	43			63		
4	Nf3	e6	24	Rf3+	Ke8	44			64		
5	Nd2	f6	25	Bg6+	Kd8	45			65		
6	h3	Ne7	26	Rf8	Kc7	46			66		
7	Bd3	Ng6	27	Bd3	Re8	47			67		
8	exf6	Nxf6	28	Rxe8	Bxe8	48			68		
9	0-0	Be7	29	Q98	Qe7	49			69		
10	Nb3	0-0	30	Nc5	Bd7	50			70		
11	Re1	Re8	31	Nxd7	Qxd7	51			71		
12	c3	b6	32	Qd6	Qxe6	52			72		
13	Qc2	Qf4	33			53			73		
14	Bxf4	b5	34			54			74		
15	Bg5	h6	35			55			75		
16	Bxf6	Bxf6	36			56			76		
17	Ne5	Bxe5	37			57			77		
18	Rxe5	Qf6	38			58			78		
19	Rxe2	Bd7	39			59			79		
20	Bc2		40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Jiang Yanwen | SIGNATURE (BLACK) Joh | SIGNATURE (ARBITER) YZ

16:00 B8-5-14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 5 | Date | Board 14

WHITE Jiang Yanwen | FED CHN | RESULT (W) 1

BLACK Tsin Pui Sing Jonathan | FED HKG | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qd3	Re8	41			61		
2	d4	d5	22	Qh7+	Kf7	42			62		
3	e5	Nd7	23	Re3	Qg5	43			63		
4	Nf3	e6	24	Rf3+	Ke8	44			64		
5	Nd2	f6	25	Bg6+	Kd8	45			65		
6	h3	Ne7	26	Rxg6	Kc7	46			66		
7	Bd3	Ng6	27	Bd7	Re8	47			67		
8	Qf4	Nxe6	28	Rxe6	Bxe6	48			68		
9	0-0	Be7	29	Qg8	Qe7	49			69		
10	Nb3	0-0	30	Nc5	Bd7	50			70		
11	Re1	Rg8	31	Nxd7	Qxd7	51			71		
12	c3	b6	32	Qe8	Qd6	52			72		
13	Qc2	Nf6	33	Qxe6	Qxe6	53			73		
14	Bxg6	hxg6	34	Rxe6		54			74		
15	Bg5	h6	35			55			75		
16	Bxf6	Bxf6	36			56			76		
17	Ne5	Bxe5	37			57			77		
18	Rxe6	Qf6	38			58			78		
19	Qe2	Bd7	39			59			79		
20	Nc2	Re7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Jiang Yanwen | SIGNATURE (BLACK) Jon | SIGNATURE (ARBITER) YZ